

Mẫu số 16/QĐ-CKKS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

UBND PHƯỜNG TRƯỜNG VINH
TRƯỞNG TIỂU HỌC HƯNG DŨNG 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/QĐ-THHD1

Trường Vinh, ngày 05 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai ngân sách quý 3/2025 của Trường Tiểu học Hưng Dũng 1

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách, nguồn khác quý 3/2025 của Trường Tiểu học Hưng Dũng 1 (theo các biểu đính kèm)
2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
3. Bộ phận tài vụ và các bộ phận chuyên môn có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Đã

Đã trong hợp HNV


Đỗ Thị Vân

Biểu số :04 - ban hành kèm theo thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính

ĐƠN VI : TIỂU HỌC HƯNG DŨNG 1

CHƯƠNG : 722 , LOẠI:4

CÔNG KHAI

QUYẾT TOÁN NGUỒN KHÁC QUÝ 3/2025

(kèm theo quyết định số 17 / ngày 05/10/2025 của Hiệu trưởng Trường TH Hưng Dũng 1)

TT	Tên nguồn KP	Mang sang	Thu	Chi	Tồn	Trong đó		Ghi chú
						Tiền Mặt	Tiền gửi KB,NH	
1	Tiền quỹ đội	27.200			27.200	27.200		
2	Thu khác	68.778.200			68.778.200	68.778.200		
3	Tiền Học 2 buổi/ngày	-			-			
4	Tiền Phục vụ bán trú	3.494.462	258.230.000	16.272.370	245.452.092		245.452.092	
5	Tiền Xã hội hóa	360			360		360	
6	Tiền ăn BT	69.912	531.650.000		531.719.912		531.719.912	
7	Tiền CSSKBĐ	62.871.867			62.871.867		62.871.867	
8	Tiền giữ xe đạp HS	1.363.700			1.363.700		1.363.700	
9	Tiền Hội phí	15.225			15.225		15.225	
10	Quỹ phúc lợi	520.900			520.900		520.900	
11	Quỹ khen thưởng	7.460.900			7.460.900		7.460.900	
12	Quỹ phát triển sự nghiệp	2.477.000			2.477.000		2.477.000	
13	Tiền điện các lớp SD điều hòa	15.536.177		15.536.177	-		-	
14	Tiền Tiếng Anh tăng cường			8.055.936	(8.055.936)		(8.055.936)	
15	Tiền khác	4.270.000			4.270.000		4.270.000	
16	Tiền tuyển sinh	459.991	9.930.000	2.000.000	8.389.991		8.389.991	
17	Tiền lãi Ngân hàng+kho bạc	7.844.602	550.438	1.891.914	6.503.126		6.503.126	
18	Tiền phô tô đề KT	89.628			89.628		89.628	
19	Tiền thưởng DH	215.564			215.564		215.564	

TT	Tên nguồn KP	Mang sang	Thu	Chi	Tồn	Trong đó		Ghi chú
						Tiền Mặt	Tiền gửi KB,NH	
20	Tiền BHYT học sinh		223.393.950	173.745.000	49.648.950		49.648.950	
21	Tiền Quỹ lương 40% để lại của HĐ tăng cường	171.413.850			171.413.850		171.413.850	
	CỘNG	346.909.538	1.023.754.388	217.501.397	1.153.162.529	68.805.400	1.084.357.129	-

KÊ TOÁN



Phan Thị Thanh Tĩnh

HIỆU TRƯỞNG



Đông Thị Vân